

3140 - 8/14
1998

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC
KC . 03 - NĂNG LƯỢNG

ĐỀ TÀI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
NĂNG LƯỢNG VÀ KINH TẾ NĂNG LƯỢNG

PHẦN ĐỀ TÀI
XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN
THỐNG KÊ ĐIỆN VÀ THAN

Chủ nhiệm đề tài: PGS, PTS Nguyễn Minh Duệ
Người chủ trì: PTS Nguyễn Ngọc Đức
Người thực hiện: Chuyên viên cao cấp Lê Văn Minh

HÀ NỘI 12 - 1993

XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KẾ NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Báo cáo nghiên cứu khoa học "Xây dựng hệ thống thông tin thống kê năng lượng Việt Nam" là một bộ phận của đề tài KC.03.01 "Xây dựng hệ thống dữ liệu cơ bản về năng lượng và kinh tế năng lượng" thuộc chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Nhà nước KC.03- Năng lượng.

Báo cáo nghiên cứu khoa học "Xây dựng hệ thống thông tin thống kê năng lượng Việt Nam" do Phó Tiến Sỹ Nguyễn Ngọc Đức Tổng cục Thống kê chủ trì nghiên cứu gồm các báo cáo sau đây:

1. Báo cáo tổng quan: do P.T.S Nguyễn Ngọc Đức thực hiện
2. Chuyên đề "Xây dựng hệ thống thông tin thống kê điện than" do kỹ sư Nguyễn văn Minh (Bộ Năng lượng) thực hiện.
3. Chuyên đề "Xây dựng hệ thống thông tin thống kê lưu thông xăng dầu mỏ" do kỹ sư Bùi năng Lự và Phó tiến sỹ Phạm Phú (Bộ Thương mại) thực hiện.
4. Chuyên đề "Xây dựng hệ thống thông tin thống kê khai thác và chế biến dầu thô".
5. Chuyên đề "Xây dựng hệ thống thông tin thống kê sử dụng năng lượng".

Hai chuyên đề trên do kỹ sư Trần văn Luận và Phó tiến sỹ Nguyễn Ngọc Đức (Tổng cục Thống kê) thực hiện.

6. Chuyên đề xây dựng hệ thống thông tin thống kê tổng điều tra năng lượng do Phó Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Đức thực hiện.

Sáu báo cáo trên đóng thành 5 tập, trong đó chuyên đề thứ tư và thứ 5 đóng chung thành 1 tập.

Hà nội, tháng 12 năm 1993

MỤC LỤC

XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ

NGÀNH ĐIỆN VÀ THAN

- I KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SẢN XUẤT
- II HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC THÔNG TIN THỐNG KÊ HIỆN NAY
 - HỆ THỐNG CHỈ TIÊU
 - CÁC MỐI QUAN HỆ
- III QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ
 - QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG
 - KHẢ NĂNG THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ
- IV HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VÀ DANH MỤC BIỂU MẪU
 - NGÀNH THAN
 - NGÀNH ĐIỆN
 - PHẠM VI ẠP DỤNG
 - BIỂU MẪU NGÀNH ĐIỆN VÀ NGÀNH THAN
- V GIẢI THÍCH PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN

XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ NGÀNH ĐIỆN VÀ THAN THUỘC BỘ NĂNG LƯỢNG QUẢN LÝ

Xây dựng hệ thống thông tin thống kê nhằm thu thập xử lý, tổng hợp, phân tích giúp cho quản lý sản xuất kinh doanh của hai ngành điện và than là việc rất cần thiết. Với lý do về cơ chế của hai ngành điện và than đang có sự thay đổi, sản xuất phải tự trang trải nhà nước không còn bù lỗ, sản xuất tùy thuộc vào nhu cầu của thị trường không còn phân phối theo địa chỉ như trước đây. Hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện nay không đủ để thoả mãn các yêu cầu trên.

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SẢN XUẤT :

Bộ Năng lượng hiện nay đang quản lý 2 ngành điện và than bao gồm 12 đơn vị doanh nghiệp, sản xuất và phân phối sản phẩm điện và than, trong đó có 3 công ty điện lực và 9 công ty than.

Sản lượng điện năm 1993 đạt trên 10 tỷ kWh bằng 119,7% năm 1990, phân phối điện cho các ngành kinh tế quốc dân gần 8 tỷ kWh bằng 122%. Nhu cầu về điện ngày càng lớn, sản xuất đang phát triển nhanh. Điện của miền Bắc các năm gần đây đã chuyển tải vào miền Trung năm 1993 đạt gần nửa tỷ kWh. Miền Nam tuy thiếu điện nhưng cũng phải chuyển tải cho miền Trung gần 200 triệu kWh. Mạng lưới điện ở thành thị được cải tạo và mở rộng, điện lưới đang được đưa về các thôn xã. Ngoài số lượng điện do Bộ Năng Lượng sản xuất và tiêu thụ, còn có điện của các ngành và địa phương như: Điện sản xuất của Bãi Bằng, Phân Đạm Hà Bắc, diesel của các tỉnh phía nam, thủy điện của địa phương hàng năm sản xuất và tiêu thụ trêntriệu kWh.

Trước tình hình miền Trung và miền Nam thiếu điện, đường dây 500 kv Bắc Nam đang được xây dựng, nhằm điều hoà điện cho cả 3 miền đất nước. Các nhà máy thủy điện của miền Trung và miền Nam đang được xây dựng, thủy điện Hoà Bình tổ máy 8 đang được hoàn chỉnh. Các dự án đầu tư cho việc mở rộng và khôi phục các nhà máy nhiệt điện đang được triển khai, các cụm tuốc bin khí đang được xây dựng và lắp đặt.

Ngành than các năm vừa qua gặp rất nhiều khó khăn, từ năm 1987 đến 1991 sản xuất ngày càng giảm, do nhu cầu than trong nước giảm sút đáng kể, xuất khẩu than thì có quá nhiều đơn vị chào hàng vào thị trường quốc tế. Khai thác than và buôn bán than trái phép đang tồn tại, nhà nước chưa có một cơ chế thích hợp về tài, bảo vệ tài nguyên, đầu tư xây dựng cơ bản cũng như về chính sách giá cả đối với ngành than.

Những diễn biến trên đang dần được khắc phục, ngành than do Bộ Năng Lượng quản lý bắt đầu có những điều kiện mới để duy trì và phát triển, nhu cầu than trong nước và xuất khẩu đang có yêu cầu cao cả về số lượng và chất lượng. Sản xuất và tiêu thụ than năm 1993 có thể đạt gần 5 triệu tấn, sản lượng than sạch tăng 15%, tiêu thụ gấp 2 lần năm 1990. Ngoài số lượng than do Bộ Năng Lượng sản xuất và tiêu thụ, còn có than của các ngành và địa phương như: Than sản xuất của Bộ Công Nghiệp Năng, Bộ Quốc Phòng, Tỉnh Quảng Ninh hàng năm có gần 1,5 triệu tấn tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

II. Hiện trạng công tác thông tin thống kê hiện nay :

Hệ thống chỉ tiêu

Trước sự phát triển nhanh chóng của ngành điện, những diễn biến phức tạp của ngành than, công tác thống kê cùng với hệ thống chỉ tiêu thống kê từ thời kỳ bao cấp không phản ánh được đầy đủ, và phân tích tình hình một cách khách quan, trung thực.

1. Công tác thu thập số liệu quan tâm nhiều đến sản xuất, coi nhẹ thu thập số liệu về tiêu thụ.

2. Chỉ tiêu sản xuất thu thập được khá nhiều, nhưng chỉ tiêu về chất lượng, nguồn năng lượng báo cáo không thường xuyên.

3. Chỉ tiêu tiêu thụ phân ngành quá đơn giản, điện tiêu thụ phần lớn phân bổ vào ngành công nghiệp, điện phi công nghiệp và ánh sáng lại trở thành 2 ngành kinh tế quốc dân. Đối với ngành than chỉ tiêu tiêu thụ mới chỉ chú ý đến các trọng điểm, hầu như chưa phân theo ngành kinh tế.

4. Các phân tổ lớn chia theo trung ương, địa phương, các bộ thực tế nay không còn tác dụng.

5. Đặc biệt rất thiếu các chỉ tiêu có liên quan đến dự báo, cân bằng năng lượng.

6. Tổ chức thu thập thông tin mới chỉ trong phạm vi các đơn vị do bộ trực tiếp quản lý, còn các ngành và địa phương cùng sản xuất sản phẩm thì chưa có biện pháp thu thập số liệu để giúp cho quản lý nhà nước.

Các mối quan hệ

Mối quan hệ thông tin thống kê giữa bộ Năng lượng với Tổng Cục Thống kê có nhiều vấn đề cần phải đề cập đến

A. Biểu mẫu do Tổng Cục Thống Kê ban hành đến tận các xí nghiệp để báo cáo, nhưng các Doanh Nghiệp (các công ty) thì không có văn bản nào qui định. Thực tế trong một số năm vừa qua, một số biểu mẫu về tiêu thụ, tồn kho sản phẩm bộ Năng lượng đâu phải ban hành thêm cho yêu cầu của quản lý.

B. Một số phương pháp tính toán chưa có qui định đặc trưng riêng cho ngành điện và than như: Tính sản phẩm than sạch, than tồn kho, phân ngành kinh tế vv..

C. Biểu mẫu cần phải thay đổi cho thích hợp với ứng dụng máy tính.

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN THỐNG KÊ

Khả năng thực hiện và kiến nghị

A. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN

1. Hệ thống thống thông tin thống kê, trước hết các chỉ tiêu như sản xuất, tiêu thụ, kinh tế kỹ thuật phải phục vụ trực tiếp cho các doanh nghiệp trong công tác quản lý kinh doanh.

2. Mỗi cấp quản lý có phạm vi rộng hẹp khác nhau, khi xây dựng các chỉ tiêu sao cho có thể phối hợp, không ban hành quá nhiều chỉ tiêu, hoặc quá đơn giản chỉ nhằm phục vụ cho một cấp quản lý nhà nước.

3. Phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cần biểu hiện tính riêng biệt của ngành kinh tế kỹ thuật.

4. Nội dung chỉ tiêu có tác dụng trực tiếp cho công tác quản lý, đồng thời có thể cho cân bằng năng lượng quốc gia, dữ liệu tin học và so sánh quốc tế.

B. Khả Năng thực hiện và kiến nghị

Tổ chức thống kê các cấp của 2 ngành Điện và Than đang mong muốn có sự đổi mới về nội dung, cách thức thu thập và xử lý thông tin. Các cấp quản lý đang cần có những thông tin thích hợp với yêu cầu quản lý đang đổi mới như: Phân ngành kinh tế, phân phối sản phẩm, chất lượng sản phẩm v.v.. Sau khi đã xem xét đến thực trạng công tác hiện nay, hệ thống thông tin thống kê mới được xây dựng, cùng với hệ thống chỉ tiêu sẽ khắc phục được những nhược điểm như trên đã trình bày, và chắc chắn sẽ được ứng dụng trong thực tế.

Kiến nghị :

1. Đề nghị cùng với Tổng Cục Thống Kê, ban hành chế độ báo cáo Liên Bộ Năng Lượng - Tổng Cục Thống Kê.

2. Tài liệu này sẽ được tổ chức hội thảo trong các tổ chức thống kê ngành Điện và Than để đóng góp ý kiến và thực hiện.

3. Ban hành chế độ báo cáo thống kê Điện và Than, đối với các ngành và địa phương có sản xuất sản phẩm điện và than.

4. Hàng Năm mở các cuộc điều tra chuyên đề để thu thập các thông tin, mà trong báo cáo định kỳ chưa có đủ.

IV. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VÀ DANH MỤC BIỂU MẪU

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU

A. NGÀNH THAN

1. Than cung và cầu
2. Tiêu thụ than theo ngành kinh tế
3. Tiêu thụ than theo lãnh thổ
4. Tiêu thụ than cho các trọng điểm
5. Sản xuất tiêu thụ và xuất khẩu

4. Tiêu thụ than cho các trọng điểm
5. Sản xuất tiêu thụ và xuất khẩu
6. Xuất khẩu than
7. Sản xuất chất lượng chủng loại than
8. Tổng hợp chủng loại than các công ty
9. Sản xuất tiêu thụ tồn kho các công ty
10. Than nguyên khai các công ty
11. Than nguyên khai lộ thiên hầm lò
12. Bốc đất đá mở lò chuẩn bị

PHẠM VI ÁP DỤNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU NÀY :

1. Các công ty sản xuất than tổng hợp từ các mỏ than để lập báo cáo theo chế độ
2. Bộ Năng Lượng tổng hợp từ các công ty sản xuất than để lập báo cáo toàn ngành than
3. Hàng năm Bộ Năng Lượng chỉ đạo các công ty sản xuất than điều tra nguồn than, các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ điện đối với các ngành và các địa phương có khai thác than để tổng hợp than toàn quốc.

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ

B. NGÀNH ĐIỆN

1. Điện cung và cầu
2. Nguồn điện và sản lượng điện
- 2a. Nguồn điện và sản lượng điện
- 2b. Nguồn điện và sản lượng điện
- 2c. Nguồn điện và sản lượng điện
3. Tiêu thụ điện phân theo ngành kinh tế quốc dân
4. Tiêu thụ điện chia theo trọng điểm
- 4a. Tiêu thụ điện chia theo trọng điểm
- 4b. Tiêu thụ điện chia theo trọng điểm
- 4c. Tiêu thụ điện chia theo trọng điểm
5. Tiêu thụ điện chia theo lãnh thổ
- 5a. Tiêu thụ điện chia theo lãnh thổ
- 5b. Tiêu thụ điện chia theo lãnh thổ
- 5c. Tiêu thụ điện chia theo lãnh thổ
6. Công suất thiết bị
- 6a. Công suất thiết bị
- 6b. Công suất thiết bị
- 6c. Công suất thiết bị
7. Nhiên liệu sử dụng cho phát điện, điện tự dùng, điện tổn thất

PHẠM VI ÁP DỤNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU NÀY :

1. Các công ty điện lực tổng hợp từ các nhà máy phát điện và các sở điện lực để lập báo cáo theo chế độ
2. Bộ Năng Lượng tổng hợp từ các công ty điện lực để lập báo cáo toàn ngành điện
3. Hàng năm Bộ Năng Lượng chỉ đạo các công ty điện lực điều tra nguồn điện, các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ điện đối với các ngành và các địa phương có máy phát điện độc lập để tổng hợp điện toàn quốc.

DANH MỤC BIỂU MẪU (TRANG SAU)

DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO

I. THÔNG KÊ NGÀNH THAN

áp dụng cho các công ty sản xuất than
các mỏ than và các nhà máy sàng tuyển than

số Thứ tự	Ký hiệu Biểu mẫu	Tên chỉ tiêu	kỳ báo cáo	Cấp Quản Lý báo cáo
1	Số 1 NL-T	Than cung và cầu, xuất khẩu nội địa	Tháng	Công ty
2	2 NL-T	Tiêu thụ than phân theo ngành kinh tế quốc dân	"	"
3	3 NL-T	Tiêu thụ than phân theo lãnh thổ	Quý	"
4	4 NL-T	Tiêu thụ than phân theo trọng điểm	"	"
5	5 NL-T	Giá trị xuất khẩu than	Tháng	"
6	6 NL-T	Xuất khẩu than	"	"
7	7 NL-T	Sản xuất, tiêu thụ than các công ty	Tháng	"
8	8 NL-T	Chủng loại than sạch	Tháng	Công ty, nhà máy
9	9 NL-T	Chất lượng than sạch	Quý	" "
10	10 NL-T	Sản xuất tiêu thụ tồn kho	Tháng	" "
11	11 NL-T	Than nguyên khai	"	Công ty, các mỏ
12	12 NL-T	Bốc đất đá, mở lò chuẩn bị	"	" "

DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO

I. THỐNG KÊ NGÀNH ĐIỆN

áp dụng cho các công ty điện lực
các sở điện lực và các nhà máy phát điện

số Thứ tự	Ký hiệu Biểu mẫu	Tên chỉ tiêu	kỳ báo cáo	Cấp Quản Lý báo cáo
1	1.NL-B	Điện cung và cầu	Tháng	Công ty
2	2A.NL-B1	Nguồn điện và sản lượng điện	"	Công ty, Nhà máy
3	2B.NL-B2	Nguồn điện và sản lượng điện	"	" "
4	2C.NL-B3	Nguồn điện và sản lượng điện	"	" "
5	3.NL-B	Tiêu thụ điện phân theo ngành kinh tế quốc dân	"	Công ty, Các sở
6	4A.NL-B1	Tiêu thụ điện chia theo trọng đ ểm	Quý	" "
7	4B.NL-B2	Tiêu thụ điện chia theo trọng đ ểm	Quý	" "
8	4C.NL-B3	Tiêu thụ điện chia theo trọng đ ểm	Quý	" "
9	5A.NL-B1	Tiêu thụ điện chia theo lãnh th	Quý	" "
10	5B.NL-B2	Tiêu thụ điện chia theo lãnh th	Quý	" "
11	5C.NL-B3	Tiêu thụ điện chia theo lãnh th	Quý	" "
12	6A.NL-B1	Công suất thiết bị	Quý	Công ty, nhà máy
13	6B.NL-B2	Công suất thiết bị	Quý	" "
14	6C.NL-B3	Công suất thiết bị	Quý	" "
15	7. NL-B	Nhiên liệu sử dụng cho phát điệ điện tự dùng, điện tổn thất	Quý	" "

Phần V

GIẢI THÍCH PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ GHI TÙNG

BIỂU MẪU

I.- NGUYÊN TẮC CHUNG :

- Căn cứ Pháp lệnh kế toán và thống kê do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 10 tháng 5 năm 1988;

- Căn cứ thông tư hướng dẫn thi hành Pháp lệnh kế toán và thống kê (phần thống kê) do Tổng cục Thống kê ban hành theo văn bản số 555 TCKT-PPCD ngày 13 tháng 9 năm 1988;

Tất cả các Tổng Công ty, Công ty, các đơn vị sản xuất, dịch vụ (gọi tắt là các đơn vị) trong hai ngành Điện và Than đều phải chấp hành chế độ báo cáo thống kê theo đúng các nguyên tắc chủ yếu sau đây :

1/ Báo cáo thống kê phải đảm bảo bốn tính chất :

- Toàn diện : Ghi báo đầy đủ các chỉ tiêu, biểu báo của hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Điện và ngành Than đã quy định trong văn bản này.

- Kịp thời : Gửi báo cáo thống kê đến nơi nhận đúng ngày quy định bằng phương tiện nhanh nhất.

- Chính xác : Không được giả mạo chứng từ, sửa chữa số liệu để ghi báo sai; hiện tượng kinh tế phát sinh ở thời kỳ nào, ghi báo cho thời kỳ đó, không được lấy số liệu của thời kỳ trước ghi báo cho thời kỳ sau hoặc ngược lại. Nếu báo cáo thời kỳ sau phát hiện số liệu của báo cáo thời kỳ trước sai thì phải báo cáo điều chỉnh, và phải có giải trình được Thủ trưởng và phụ trách kế toán thống kê của đơn vị xác nhận bằng văn bản.

- Thống nhất : Bao gồm thống nhất hệ thống chứng từ ghi chép ban đầu, thống nhất sổ sách biểu mẫu báo cáo, phương pháp tính toán các chỉ tiêu; phương pháp phân ngành kinh tế, các đơn vị đo lường, niên độ kế toán-thống kê.

Thời hạn của niên độ kế toán-thống kê được tính đến hết 24h ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch. Những chứng từ, những hiện tượng kinh tế phát sinh sau thời điểm trên không được tính vào năm niên độ kế hoạch.

2/ Báo cáo thống kê phải đảm bảo tính Pháp lệnh :

- Thủ trưởng của đơn vị, kế toán trưởng hay người phụ trách thống kê các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác thống kê ở đơn vị; ký tên và chịu trách nhiệm về số liệu chính xác của các báo biểu thống kê đã gửi đến các cơ quan cấp trên và lưu hành tại đơn vị.

- Con dấu của đơn vị và họ tên của Thủ trưởng đơn vị, của Kế toán trưởng cùng họ tên của cán bộ thống kê đã lập biểu báo cáo phải ghi rõ ràng không được ghi tắt.

3/ Dề cao xử lý các vi phạm trong báo cáo thống kê :

Người nào đã vi phạm chế độ báo cáo thống kê phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ Luật hình sự.

II.- PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ GHI TỪNG BIỂU MẪU :

A- NGÀNH THAN :

Biểu 1NL/T : Than cung và cầu - xuất khẩu - nội địa.

A- Mục đích : Phản ánh tổng hợp về tình hình sản xuất, tiêu thụ và tồn kho than sạch trong kỳ, phản ánh số than đã xuất khẩu, tiêu thụ nội địa, trong đó cung cấp cho các hộ tiêu thụ trọng điểm; nhằm đánh giá tổng quát kết quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị, khả năng đáp ứng cung cầu về than cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu.

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A :

A1 : Tổng số than tiêu thụ : Là tổng số than đã làm xong thủ tục xuất kho và khách hàng đã ký vào vận đơn để nhận hàng.

Tổng số than tiêu thụ = Số than xuất khẩu + Số than tiêu thụ nội địa.

Tổng số than tiêu thụ nội địa có chi tiết các trọng điểm.

A2 : Than sạch : Là tổng số than đã qua khâu sàng, tuyển và phân loại theo chủng loại : Than cục, than cám theo cỡ hạt và phân loại theo chất lượng : Độ tro, chất bốc, nhiệt năng v.v... phù hợp với yêu cầu cung ứng cho khách hàng và đã làm xong thủ tục nhập kho than thành phẩm.

A3 : Tồn kho : Là tổng số than sạch còn lại thực tế ở các kho than sạch đã được quy định. Những đồng, bãi có than không nằm trong quy định là kho than sạch thì không được tính than tồn kho trong kỳ báo cáo.

Cột 1.- Ghi số liệu trong văn bản kế hoạch năm do Bộ giao đầu năm hay được điều chỉnh vào giữa năm, cuối năm.

Cột 2.- Ghi số liệu thực hiện của tháng báo cáo.

Cột 3.- Ghi số liệu lũy kế thực hiện từ đầu quý đến tháng báo cáo.

Cột 4.- Ghi số lũy kế thực hiện từ đầu năm.

Cột 5.- Lấy số liệu cột 4 chia cột 1 nhân 100%.

C- Nguồn số liệu :

1/ Tổng số than tiêu thụ, than sạch và xuất khẩu ghi đúng như số liệu của biểu số 7 NL/T.

2/ Tồn kho than ghi theo số liệu của biểu số 10 NL/T.

Biểu 2 NL/T : Tiêu thụ than chia theo ngành kinh tế.

A- Mục đích : Cung cấp số liệu đã tiêu thụ than phân theo ngành kinh tế quốc dân nhằm đánh giá hiệu quả cung ứng than theo chính sách năng lượng của Nhà nước. Đồng thời có căn cứ lập các bảng cân đối năng lượng cho các ngành kinh tế quốc dân trong kỳ kế hoạch.

B- Phương pháp tính và ghi :

Tổng số than tiêu thụ nội địa chia theo các ngành kinh tế quốc dân cộng lại phải bằng tổng số than tiêu thụ nội địa đã ghi ở biểu 1 NL/T.

Cột A : Tên các ngành kinh tế quốc dân cấp I : Căn cứ bản phân ngành kinh tế quốc dân số 75-CP ngày 27/10/1993 do Thủ tướng Chính phủ ban hành và các văn bản phân ngành cấp 2, 3 và 4 và các văn bản giải thích, hướng dẫn thi hành của Tổng cục Thống kê tại các văn bản sốngày

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Theo giải thích ở biểu 1 NL/T.

C- Nguồn số liệu : Căn cứ chức năng sản xuất, kinh doanh, tư cách pháp nhân của các chủ thể đã ký hợp đồng kinh tế mua than, để xếp các hộ tiêu thụ ấy vào các ngành kinh tế quốc dân phù hợp.

Và căn cứ hòa đơn đã xuất kho giao than cho khách hàng trong kỳ báo cáo mà tổng hợp để ghi báo; nhất thiết không được ghi báo số liệu đã ký theo hợp đồng kinh tế.

Các biểu 3NL/T và 3aNL/T : Tiêu thụ than phải chia theo lãnh thổ.

A- Mục đích : Phản ánh cung cấp than theo vùng lãnh thổ trong cả nước, nhằm kiểm tra thực hiện chính sách phân phối than của Nhà nước trong kỳ báo cáo. Có căn cứ để lập kế hoạch phân phối than cho các kỳ kế hoạch tiếp theo và để có căn cứ tính số than bình quân theo đầu người theo từng vùng lãnh thổ.

B- Phương pháp tính và ghi :

Tổng số than tiêu thụ phân chia theo vùng lãnh thổ ghi ở các biểu 3NL/T và 3aNL/T cộng lại phải bằng tổng số than tiêu thụ nội địa đã ghi ở biểu 1NL/T.

Cột A : Miền Bắc, miền Nam, miền Trung và ghi tiếp theo là các tỉnh, thành phố theo địa giới hành chính ở các vùng ấy. Căn cứ địa chỉ của các hộ tiêu thụ than đã ký trong hợp đồng kinh tế mà tổng hợp theo địa danh hành chính của các tỉnh, thành phố và của các miền Bắc, Trung, Nam.

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Theo giải thích ở biểu 1NL/T.

C- Nguồn số liệu : Theo giải thích biểu 2NL/T.

Biểu 4NL/T : Tiêu thụ than - các trọng điểm.

A- Mục đích : Phản ánh kết quả phân phối than cho các hộ trọng điểm có tầm quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có căn cứ lập kế hoạch tiêu thụ cho các kỳ kế hoạch tiếp theo.

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Theo giải thích ở biểu 2NL/T.

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Theo giải thích biểu 1NL/T.

C- Nguồn số liệu : Theo giải thích biểu 2NL/T.

Biểu 5.- NL/T : Giá trị xuất khẩu than.

A- Mục đích : Để biết kết quả về doanh thu xuất khẩu than bằng ngoại tệ trong kỳ báo cáo, để tính toán các chỉ tiêu kế hoạch khác có liên quan; đồng thời biết được quan hệ Ngoại thương của ngành Than ta trên thế giới trong kỳ báo cáo, biết được nước nào ưa chuộng than ta nhiều nhất để tổ chức sản xuất loại than có giá trị ấy cho các kỳ kế hoạch tiếp theo.

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Tổng số : Là tổng cộng số ngoại tệ và thu được do xuất khẩu than ở từng nước, từng châu trên thế giới và đã quy đổi theo tỷ lệ hối đoái ở thời điểm báo cáo ra đồng đo la Mỹ.

Các nước, các châu : Ghi theo tên nước của các chủ hàng mua than, không phải ghi tên nước của các chủ tàu vào nước ta chở than.

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Theo giải thích biểu 1NL/T.

Để bảo đảm tính thống nhất và tính chính xác của các báo cáo thống kê, quyết toán than xuất khẩu, cần lưu ý những điểm chính sau đây :

1/ Than xuất khẩu được tính từ ngày thuyền trưởng ký vận đơn Hải quan cảng xác nhận đã hoàn thành các thủ tục Hải quan để rời cảng nước ta. Thời điểm nào hoàn thành các thủ tục thì than xuất khẩu tính vào thời điểm đó. Trường hợp đến ngày cuối quý hoặc ngày 31 tháng 12 than chưa xếp xong lên phương tiện chuyên chở, hoặc chưa hoàn thành các thủ tục Hải quan thì chuyển hàng đó phải tính và quý sau hoặc năm sau. (Quy định này căn cứ vào quyết định số 214/TCKT-QĐ ngày 20/12/1990 về cách tính hàng xuất khẩu bằng đường biển của Tổng cục Thống kê).

2/- Khi đã có vận đơn, các đơn vị ủy thác và nhận ủy thác phải nhanh chóng lập chứng từ thanh toán để lập báo cáo thống kê gửi về Bộ không được đã đến kỳ báo cáo mà vẫn còn thiếu chứng từ và chưa hoàn thành đối chiếu chứng từ qua các bên.

3/ Tất cả các Công ty, đơn vị khi nộp báo cáo quyết toán thống kê đều phải kèm theo bản đối chiếu xác nhận sản lượng, ngoại tệ đã xuất khẩu trong quý hoặc trong năm giữa các bên ủy thác và nhận ủy thác than xuất khẩu.

C- Nguồn số liệu :

Căn cứ giá than đã ghi trên các vận đơn đã giao than cho khách hàng, hoặc nếu hợp đồng ký tiêu thụ than theo từng chuyến tàu vào lấy than thì căn cứ vào các bảng thanh lý hợp đồng giữa các bên để có số liệu ghi báo.

Giá trị hàng xuất khẩu thanh toán bằng các loại tiền tệ khác nhau, thì quy đổi theo tỷ lệ hối đoái ở thời điểm báo cáo ra đồng đô la Mỹ để ghi báo cho thống nhất.

Biểu 6NL/T : Xuất khẩu than :

A- Mục đích : Để biết số lượng từng chủng loại than ở nước ta đã bán trên thị trường thế giới, mỗi nước có nhu cầu về loại than nào để có kế hoạch tổ chức sản xuất loại than đó, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, cho các kỳ kế hoạch tiếp theo.

B- Phương pháp tính và nguồn số liệu : Như đã giải thích ở biểu số 5NL/T.

Biểu 7NL/T : Sản xuất-tiêu thụ than-các Công ty.

A- Mục đích : Phản ánh kết quả về tình hình sản xuất, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu than của các Công ty trong kỳ báo cáo, để có căn cứ lập các kế hoạch có liên quan cho các kỳ kế hoạch sau.

B- Phương pháp tính và ghi :

- Các cột AI, AII, AIII và các cột 1, 2, 3, 4, 5 : Như giải thích ở biểu 1NL/T.

C- Nguồn số liệu : Như giải thích biểu 1NL/T.

Biểu 8NL/T : Than sạch-chủng loại than các Công ty.

A- Mục đích : Cung cấp số lượng than khai thác trong kỳ phân chia theo từng chủng loại, cỡ hạt nhằm có căn cứ đánh giá chất lượng than biểu hiện qua công tác quản lý trong các khâu sàng, rửa, tuyển khoáng; công tác chuẩn bị làm sạch các vỉa than ở trong các khâu khai thác ở các đơn vị.

Đồng thời có căn cứ để chào hàng, bán than cho khách hàng trong nước và trên thế giới và là căn cứ tính toán các chỉ tiêu giá thành sản xuất, giá trị sản lượng v.v...

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A- A1 số lượng sản phẩm : Là tổng hợp chung các chủng loại than và tiếp theo chia theo từng chủng loại theo cỡ hạt; cần lần lượt ghi báo theo trật tự các loại than, các giồng như trong bản danh mục tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1790-84 đang được áp dụng.

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Theo giải thích biểu 1NL/T.

C- Nguồn số liệu : Căn cứ số lượng trên phiếu nhập kho than thành phẩm trong kỳ do bộ phận kế toán kho thành phẩm cung cấp, đồng thời đối chiếu với số lượng than tồn kho theo kiểm kê và số lượng than đã tiêu thụ để xác định chủng loại than đã sản xuất ra mà ghi báo cho chính xác.

Biểu 9NL/T : Chất lượng than sạch các Công ty.

A- Mục đích : Phản ánh chất lượng than bao gồm các chỉ tiêu về đặc tính cơ, lý, hóa của than nhằm phân loại than thành các cấp chất lượng khác nhau phù hợp với yêu cầu sử dụng.

B- Phương pháp tính và ghi :

- Cột A : - Than cục : Là số tổng cộng các loại than cục, sau đó chia ra các loại than cục đặc biệt, than cục xô, than cục thường và có chi tiết từng chủng loại theo cỡ hạt.

- Than cám : Ghi số tổng hợp, sau chi tiết từng chủng loại than cám theo cỡ hạt.

- Cột 1 : - Độ tro : Biểu thị bằng chỉ số %AK của vật chất còn lại sau quá trình cháy hoàn toàn của mẫu than so với mẫu ban đầu.

Số liệu tiêu chuẩn độ tro AK% : Lấy trong bảng quy định chất lượng than do UBKHKTNN và Bộ Năng lượng quy định đang áp dụng.

- Cột 2 : Độ tro AK% : Là số hòa nghiệm thực tế của từng chủng loại than trong kỳ báo cáo, tính theo bình quân số học để ghi báo. Ví dụ : tháng 1/1993 than cục lấy mẫu 3 lần để hóa nghiệm, kết quả:

Lần thứ nhất có độ tro AK 2,3%.

Lần thứ hai có độ tro AK 2,5%.

Lần thứ ba có độ tro AK 2,1%

Số bình quân để ghi báo trong tháng 6,9 : 3 = 2,3%.

Nếu báo cáo quý, năm thì cộng số bình quân của các tháng của quý, của năm rồi chia cho số tháng, quý, trong năm để ghi báo.

Cột 3 : Chất bốc : Hàm lượng chất bốc được biểu thị bằng chỉ số % V ch, chất bốc là chỉ tiêu chủ yếu để phân loại than, từ đó xác định khả năng sử dụng than làm nhiên liệu hay dùng vào các mục đích công nghệ.

Cột 4 : Nhiệt năng QCL/KG : Được hiểu là nhiệt lượng riêng, nhiệt lượng tỏa ra khi đốt cháy hoàn toàn một khối lượng nhiên liệu trong bom. Điều kiện và quá trình xảy ra trong phòng thí nghiệm. Nhiệt lượng là chỉ tiêu quan trọng, nhất là than được sử dụng làm nhiên liệu.

Ngoài 3 chỉ tiêu chủ yếu trên, đặc tính chất lượng của than còn biểu hiện bằng một số chỉ tiêu khác như : Cỡ hạt, độ ẩm, hàm lượng lưu huỳnh.

C- Nguồn số liệu : Lấy tài liệu từ các phòng KCS, kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc phòng kiểm nghiệm sản phẩm.

Chú ý : Chất bốc, nhiệt năng ghi cột 3 và 4 cách tính toán như giải thích cột 2.

Biểu 10NL/T : Sản xuất - tiêu thụ - tồn kho
các Công ty sản xuất.

A- Mục đích : Nhằm cung cấp số liệu để cân đối các chủng loại than giữa số đã sản xuất ra, số đã tiêu thụ và số còn tồn kho trong thời điểm của kỳ báo cáo.

Có căn cứ lập kế hoạch sản xuất, phân phối cung ứng than cho các ngành kinh tế quốc dân của kỳ kế hoạch sau.

B- Phương pháp tính và ghi :

- Cột A : Như giải thích biểu 8NL/T.

- Cột 1 : Tồn kho 31/12/199... là số tồn kho than cuối năm đã kết thúc niên độ kế hoạch năm trước chuyển sang đầu năm kế hoạch kỳ báo cáo.

Số liệu này là số kiểm kê kho than cuối năm trước bằng phương pháp đo đạt trắc địa, và đã dùng quyết toán niên độ năm kế hoạch trước nên giữ nguyên con số ấy chuyển sang năm báo cáo. Nếu năm báo cáo phát hiện con số tồn kho này sai cũng không được điều chỉnh lại vì đã quyết toán niên độ kế hoạch năm trước.

- Cột 2 : Sản xuất trong kỳ : Như giải thích biểu 1NL/T.
- Cột 3 : Tổng số than có = cột 1 + cột 2.
- Cột 4 : Tiêu thụ trong kỳ : Như giải thích biểu 1NL/T.
- Cột 5 : Tồn kho đến, Là số tồn kho đến thời điểm hết 24h của ngày cuối tháng kỳ báo cáo.

Báo cáo 6 tháng và cuối năm phải lấy số liệu kiểm kê kho than bằng phương pháp đo đạt trắc địa để ghi báo và điều chỉnh lại những số liệu đã báo cáo trước nếu có sự chênh lệch và phải có sự giải thích sự chênh lệch đó, được thủ trưởng các đơn vị và kế toán trưởng của đơn vị xác nhận.

Đối với số than của khách hàng còn gửi lại ở kho, đến thời điểm kiểm kê thấy thiếu hụt không đủ số lượng như đã ghi ở hóa đơn đã bán thì ghi số than khách hàng đã gửi theo số kiểm kê thực tế.

C- Nguồn số liệu : Do kế toán kho thành phẩm cấp.

Biểu 11NL/T : Than nguyên khai các Công ty và các mỏ.

A- Mục đích : Nhằm phản ánh kết quả khai thác than nguyên khai ở các khâu trong mỏ; có căn cứ cân đối giữa các khâu vận chuyển sàng tuyển bên ngoài. Đồng thời để tính các chỉ tiêu về năng suất thiết bị, suất tiêu hao xăng, dầu, gỗ lò; tính tỷ lệ đất đá lẫn trong than nguyên khai qua khâu sàng, tuyển.

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Than nguyên khai : Là loại than khai thác từ các gương lò ở các mỏ hầm lò và các gương tầng ở các mỏ lộ thiên chưa qua xử lý đất đá bằng sàng, tuyển.

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Như giải thích biểu 1NL/T.

C- Nguồn cung cấp số liệu : Trên cơ sở tính trọng lượng theo hệ số đầy của trọng tải từng loại xe hoặc qua cân nhà sàng để xác nhận số lượng than nguyên khai để ghi báo.

Hoặc căn cứ phiếu nghiệm thu sản phẩm để thanh toán tiền lương khoán cho bộ phận công nhân sản xuất than nguyên khai để lập báo cáo hàng tháng, 6 tháng và toàn năm; điều cần chú ý là phải đối chiếu số liệu kiểm kê kho than, để điều chỉnh số liệu cho hợp lý.

Biểu 12NL/T : Bốc đất đá - Mở lò chuẩn bị
các Công ty và các mỏ.

A- Mục đích : Đánh giá kết quả bốc đất đá ở các mỏ lộ thiên và khối lượng đi lò chuẩn bị ở các mỏ hầm lò; từ đó biết được khối lượng than nguyên khai sẵn sàng khai thác được trong kỳ và còn lại gối đầu chuẩn bị cho kỳ kế hoạch sau.

Khối lượng đất đá và mét lò chuẩn bị còn để tính hệ số khai thác giữa khối lượng bốc đất đá, đi lò chuẩn bị so với than nguyên khai; tính năng suất của các loại thiết bị khoan, xúc, vận tải; tính suất tiêu hao gỗ lò, xăng, dầu, thuốc nổ.

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Đất đá : Số liệu ghi báo dựa vào hệ số đầy của trọng tải từng loại xe, số chuyển xe và trọng lượng của xe đã vận chuyển đất đá từng xe trong ngày cộng lại được sự xác nhận của Quản đốc công trường để ghi báo cáo nhanh; còn báo cáo 6 tháng, báo cáo năm phải lấy số liệu của trắc địa, đo đạc để ghi báo và điều chỉnh lại số liệu chênh lệch đã báo cáo các kỳ trước và phải có giải trình phần chênh lệch đó.

Số liệu đo đạc trắc địa về khối lượng bốc đất đá trong kỳ phải thống nhất với khối lượng để quyết toán tiền lương khoán cho khâu bốc, xúc, vận chuyển và còn làm căn cứ quyết toán tiêu hao xăng, dầu, thuốc mìn để bốc 1 m³ đất đá.

- **Mét lò chuẩn bị :** Để ghi báo nhanh là căn cứ số nghiệm thu sản phẩm sản xuất hằng ngày của các mỏ than. Báo cáo quý, 6 tháng, năm phải căn cứ vào bản đồ khai thác đã được cập nhật, được phòng địa chất trắc địa xác nhận cung cấp mà ghi báo, sau mỗi quý phải điều chỉnh lại số chênh lệch của báo cáo nhanh và có giải trình phần chênh lệch đó.

Số liệu trên còn làm căn cứ quyết toán suất tiêu hao gỗ lò để khai thác 1 tấn than nguyên khai, các chỉ tiêu tiêu hao vật tư khác có liên quan.

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : Như giải thích biểu 1NL/T.

C- Nguồn số liệu : Như đã trình bày trên.

GIẢI THÍCH PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ GHI TỪNG BIỂU MẪU

B- Ngành Điện :

Biểu 1 NL/D.- Điện - Cung và cầu.

A.- Mục đích : Phản ánh một cách tổng quát các chỉ tiêu ; công suất thiết kế, công suất phát ra cao nhất, sản lượng điện sản xuất ra, đã tiêu thụ và tỷ lệ % điện tổn thất, nhằm đánh giá tổng quát kết quả của quá trình sản xuất trong kỳ kế hoạch ; khái quát được năng lực sản xuất và cân đối giữa cung và cầu của nguồn điện năng trong kỳ báo cáo ; có căn cứ lập các kế hoạch có liên quan cho các kỳ kế hoạch tiếp theo và để tính mức điện đã sản xuất ra bình quân theo đầu người.

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A :

A1 : Công suất thiết kế : Là tổng công suất thiết kế đã lắp đặt hoàn thành, và đã bàn giao đưa vào sản xuất trong kỳ báo cáo của từng tổ máy phát điện ở từng nhà máy phát điện của toàn Công ty, bao gồm máy phát điện thuộc các nguồn : nhiệt điện, thủy điện, điện diesel, tuốc bin khí, đơn vị tính MW.

Về mặt kỹ thuật công suất thiết kế của các máy phát điện được tính bằng kW, KVA hoặc CV có ghi trên nhãn hiệu của các máy phát điện hoặc trong các bảng lý lịch của máy.

Số liệu do phòng kỹ thuật cung cấp.

A2 : Công suất phát cao nhất : Là công suất nguồn điện đã phát ra ở điểm cực đại trong hệ thống điện, trong từng nhà máy phát điện của toàn Công ty ở một thời điểm nhất định của một ngày - đêm trong ngày sản xuất; đơn vị tính MW .

Số liệu công suất điện phát ra cao nhất là số liệu thời điểm; báo cáo tháng, quý, năm lấy số liệu công suất phát ra cao nhất trong ngày của tháng, của các tháng trong quý, của các tháng trong năm để ghi báo .

Thu thập số liệu trên sổ nhật ký điều độ sản xuất của trung tâm điều độ sản xuất của Công ty để ghi báo .

A3 : Điện sản xuất : là tổng cộng điện phát ra do tại đồng hồ của máy phát điện ở trong nhà máy bao gồm máy phát của các nguồn : nhiệt điện, thủy điện, điện diesel, tua bin khí. đơn vị tính KWh.

Số liệu tổng hợp trên sổ nhật ký của Trung tâm điều độ do người lãnh đạo trung tâm xác nhận để ghi báo .

A4 : Điện tiêu thụ : là tổng số điện mà người tiêu thụ điện đã nhận và các đơn vị bán điện đã thu được tiền về, trong kỳ báo cáo.

Đối với các nhà máy phát điện đã dùng điện tự dùng để chạy máy nghiền than, quạt gió, bơm nước v.v... trong quá trình để sản xuất ra điện thì, coi là một hộ tiêu thụ điện, nhưng chỉ để tính điện tự dùng. Lấy điện phát ra đo tại đồng hồ máy phát điện trừ cho số lượng điện đưa lên thanh cái đo tại đồng hồ thanh cái để chuyển tải đến các hộ tiêu thụ cho khách hàng, ta có số lượng điện tự dùng :

Điện phát ra (-) điện tự dùng = điện chuyển tải đến khách hàng.
Điện chuyển tải đến khách hàng(-) điện tổn thất truyền tải (+)
điện tổn thất thương mại = điện tiêu thụ cho khách hàng .

Sản lượng điện sản xuất ra ở thời kỳ nào ghi báo cho thời kỳ đó, không được lấy sản lượng điện sản xuất ở thời kỳ kế hoạch sau ghi báo cho kỳ kế hoạch trước hoặc ngược lại .

Đến hết niên độ kế hoạch thì lấy sản lượng điện đã phát ra đến hết 24h ngày 31/12 của năm đó để ghi báo và quyết toán niên độ kế hoạch của năm đó .

Số điện dùng làm điện trở nước không được ghi báo là điện đã tiêu thụ mà đó là số điện đã tổn thất về quản lý .

A5 : tỷ lệ % điện tổn thất truyền tải và thương mại : là tỷ lệ % so sánh giữa tổng sản lượng điện đã tiêu thụ cho khách hàng cộng với số điện tự dùng ở các nhà máy phát điện so sánh với tổng số điện đã phát ra trong kỳ báo cáo. Hoặc có thể tách riêng 2 loại tổn thất. Cách tính : lấy cột A4

$$\frac{\text{---}}{\text{---}} \times 100 \% - 100 \% .$$

cột A3

Cột 1 - Lấy số liệu trong văn bản kế hoạch năm đã được Bộ giao đầu năm hoặc được Bộ điều chỉnh vào giữa năm hay cuối năm .

cột 2 - Số liệu quý báo cáo

Cột 3 - Lấy số liệu lũy kế từ đầu năm đến cuối quý báo cáo

Cột 4 - Lấy cột 3

$$\frac{\text{---}}{\text{---}} \times 100 \%$$

cột 1

C. Nguồn số liệu : Như giải thích trên .

Các biểu : 2ANL/D , 2BNL/D và 2 C NL/D
nguồn điện và sản lượng điện
Các nhà máy và Công ty .

A- Mục đích : Để có số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát điện trong kỳ của từng nguồn điện : nhiệt điện, thủy

điện, điện diesel, tuốc bin khí và quan sát kết quả quá trình sản xuất của từng nhà máy phát điện, đánh giá năng lực của từng nguồn điện so với nhiệm vụ kế hoạch trong kỳ .

Để có số liệu trích các chỉ tiêu có liên quan đến các mặt quản lý kinh doanh, đến các chính sách phân phối năng lượng của nhà nước như : tính năng suất lao động bằng hiện vật cho từng Công ty, cho từng nhà máy phát điện; suất tiêu hao vật tư, điện tự dùng, điện tổn thất v.v... tính sản lượng điện bình quân cho đầu người dân số trong cả nước, và từng miền : Trung, Nam, Bắc .

Để có căn cứ lập các kế hoạch cân đối giữa cung và cầu về điện năng ở từng vùng, từng địa phương theo lãnh thổ; cân đối giữa nhu cầu và khả năng phát ra của từng nguồn điện và lập các kế hoạch khác có liên quan cho các kỳ kế hoạch sau :

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Như giải thích ở biểu 1 NL/D.

Lần lượt ghi tổng số điện phát ra và chia theo các nguồn, sau đó chi tiết cho từng nguồn điện và từng nhà máy phát điện nguồn điện ấy .

Cột 1 : như giải thích biểu 1 NL/D

Cột 2 : Sản lượng điện phát ra trong tháng báo cáo

Cột 3. + 4 : Số lũy kế đầu quý, từ đầu năm

Cột 5 : bằng cột 4
$$\frac{\text{cột 4}}{\text{cột 1}} \times 100 \%$$

Phần giải thích trên đây áp dụng cho các biểu 2A, 2B và 2C NL/D.

C- Nguồn số liệu : Như giải thích ở biểu 1 NL/D.

Biểu 3 NL/D : Tiêu thụ điện

Phân theo ngành kinh tế quốc dân .

A- Mục đích : Cung cấp số liệu điện đã tiêu thụ phân chia theo ngành kinh tế quốc dân nhằm đánh giá hiệu quả cung cấp điện theo chính sách năng lượng của Nhà nước trong kỳ báo cáo. Đồng thời có căn cứ lập các bảng cân bằng năng lượng cho các ngành kinh tế quốc dân trong các kỳ kế hoạch sau :

B- Phương pháp trích và ghi :

Tổng số điện tiêu thụ phân chia theo các ngành kinh tế quốc dân ghi báo cáo ở biểu này phải bằng tổng số điện đã tiêu thụ ghi báo ở biểu 1 NL/D .

Cột A : mã số ngành kinh tế quốc dân : Ghi theo đúng các số đã ghi sẵn ở trong biểu . Trong 20 ngành kinh tế quốc dân đã xếp theo thứ tự có khác nhau là do yêu cầu quan sát về mặt quản lý của Bộ mà không xếp đúng trật tự theo danh mục bang phân ngành do Nhà nước đã ban hành .

Cột B.: Tên các ngành kinh tế quốc dân cấp I theo đánh số ở cột A là căn cứ Nghị định ban hành hệ thống ngành kinh tế quốc dân của Chính phủ số 75/CP ngày 27/10/1993; cũng tại Nghị định trên ở điều 2 Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện phân ngành cấp II, cấp III và cấp IV mà trong biểu đã có ghi .

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : theo giải thích ở biểu 2A NL/D.

C- Nguồn số liệu : Căn cứ chức năng sản xuất kinh doanh, tư cách pháp nhân của các chủ thể đã ký hợp đồng kinh tế tiêu thụ điện, để xếp các hộ tiêu thụ ấy vào các ngành kinh tế quốc dân phù hợp .

Và căn cứ các hóa đơn đã thu tiền điện của khách hàng mà ghi báo số lượng điện đã tiêu thụ, nhất thiết không ghi báo số điện mới ký trên hợp đồng tiêu thụ điện .

Các biểu 4A NL/D, 4B NL/D và 4C NL/D **Điện tiêu thụ - các trọng điểm .**

A- Mục đích : Để đánh giá tình hình phân phối điện cho các hộ trọng điểm trong kỳ báo cáo, đối chiếu với nhiệm vụ kế hoạch đã giao, với chính sách phân phối điện năng của Bộ và Nhà nước, phát hiện vấn đề tồn tại, mất cân đối giữa cung và cầu về năng lượng để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới .

Đối với các hộ kinh doanh trọng điểm là những đơn vị kinh tế quốc doanh quý vị trí chỉ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là những đơn vị kinh tế quan trọng của các Bộ, Ngành của các địa phương nên cung cấp điện cho những hộ ấy phải đảm bảo đủ số lượng và chất lượng : cung cấp điện ổn định, liên tục, đảm bảo các thông số kỹ thuật : cường độ, tần số, điện áp của nguồn điện .

Thông qua số hộ cung cấp điện tiêu thụ cho các trọng điểm ở các ngành kinh tế, các vùng các miền trong lãnh thổ : Bắc, Trung, Nam của Bộ và Nhà nước có kế hoạch phát triển ngành điện ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cung cầu về điện năng cho nền kinh tế; đồng thời Bộ và Nhà nước có căn cứ để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước nền kinh tế nước ta .

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Ghi số điện tổng hợp đã cung cấp cho các hộ trọng điểm theo danh mục ở các miền : Trung, Nam, Bắc.

Tùy theo tính chất và vị trí của các hộ trọng điểm của từng thời gian bằng danh mục các hộ trọng điểm ở các miền, các Công ty sẽ thay đổi cho thích hợp .

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : như giải thích ở biểu 2A NL/D.

C- Nguồn số liệu :

Trên cơ sở các bảng hợp đồng kinh tế về tiêu thụ điện của khách hàng ; các chứng từ hóa đơn thu tiền điện, tổng hợp được danh mục các hộ trọng điểm, số lượng điện các hộ trọng điểm đã tiêu thụ trong tháng và số lũy kế thực hiện trong quý, trong năm.

Số hộ do bộ phận kế toán tiêu thụ sản phẩm cung cấp, hoặc ở phòng kinh doanh của các Công ty .

Các biểu 5A NL/D, 5B NL/D và 5C NL/D

Tiêu thụ điện

Phân chia theo lãnh thổ .

A- Mục đích : Nhằm phản ánh thực hiện các chỉ tiêu cung ứng điện cho các hộ phân chia theo lãnh thổ : miền Bắc, miền Nam, miền Trung và chi tiết từng tỉnh, thành phố thuộc ba miền ấy; để có căn cứ kiểm tra, quản lý theo lãnh thổ của các tỉnh, thành phố ở từng địa phương .

Để có số liệu xem xét tình hình phát triển kinh tế văn hóa - xã hội ở từng vùng lãnh thổ, từng tỉnh, thành phố thông qua mức tiêu thụ điện ở những địa phương ấy trong từng thời kỳ kế hoạch .

Đồng thời có căn cứ lập các bảng cân đối ngành, cân đối vùng lãnh thổ về cung và cầu nguồn năng lượng trong cả nước .

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Ghi tổng số điện đã tiêu thụ cho các tỉnh, thành phố thuộc các miền. Báo cáo nào cũng ghi đúng theo thứ tự giống theo như bảng danh mục các tỉnh, thành phố ở từng miền để dễ tổng hợp khỏi bị nhầm lẫn .

Do yêu cầu quản lý, địa giới hành chính ở các tỉnh, thành phố có thể Nhà nước có thay đổi, khi ghi báo phải theo đúng bảng danh mục đã thay đổi đó .

Căn cứ các bản hợp đồng kinh tế về tiêu thụ điện của khách hàng, các Sở điện lực xếp các loại khách hàng ấy thuộc tỉnh, thành phố và căn cứ hóa đơn đã thu tiền điện của khách hàng mà ghi báo số lượng điện đã tiêu thụ trong kỳ .

Phần giải thích này áp dụng chung cho 3 biểu trên .

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : xem giải thích ở biểu 4A NL/D

C- Nguồn số liệu : xem giải thích biểu 4A NL/D .

**Các biểu 6A NL/D, 6B NL/D và 6C NL/D.
Công suất thiết bị năm 199**

A- Mục đích : Để ghi báo cuối năm 1 lần nhằm phản ánh sự tăng giảm công suất thiết bị của các nguồn điện các nhà máy và các cơ sở phát điện ở từng Công ty quản lý; có căn cứ để đánh giá tình hình huy động công suất của thiết bị ở từng đơn vị trong năm kế hoạch và có căn cứ lập các kế hoạch có liên quan cho năm kế hoạch sau, đồng thời để có cơ sở tính toán các chỉ tiêu có liên quan .

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A : Ghi tổng công suất của toàn Công ty, tiếp theo ghi chi tiết từng nguồn điện và các nhà máy phát điện của toàn Công ty thuộc nguồn điện ấy .

Cột 1 - Lấy số liệu ở biểu 1 NL/D

Cột 2 - Ghi công suất hiện có ở thời điểm ngày 31/123 của năm báo cáo, xem giải thích ở biểu 1 NL/D.

Cột 3 - Lấy cột 1 chia cho cột 2, vì sản lượng điện tính bằng công suất của máy phát (KW) nhân với thời gian máy vận hành thực tế (h), ta có KWh, nên cột 1 là sản lượng điện trích bằng KWh, cột 2 là công suất của máy phát; lấy cột 1 ta có tổng số thời gian của thiết bị tính

cột 2

theo công suất thiết kế trong năm báo cáo để ghi báo
cột 3.

Cột 4 - Xem giải thích biểu 1 NL/D

Cột 5 - Ngược lại giải thích ở biểu 1 NL/D

C- Nguồn số liệu : Xem giải thích ở biểu 1 NL/D

Biểu 7 NL/D

**Nhiên liệu sử dụng cho phát điện
Điện tự dùng - điện tổn thất .**

A- Mục đích : Nhằm đánh giá tình hình thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật trong quá trình sản xuất điện trong kỳ báo cáo, phát hiện các khâu đã vượt cao hơn định mức, gây lãng phí vật tư, làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến chỉ tiêu hạ thấp giá thành, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về tài chính trong kinh doanh v.v... để có biện pháp khắc phục trong các kỳ kế hoạch tiếp theo .

B- Phương pháp tính và ghi :

Cột A -

A1 : Than thiên nhiên : lấy tổng số than thiên nhiên thực tế đã xuất kho dùng vào sản xuất trong kỳ (trừ số tồn kho trong giấy chuyển sản xuất) tháng, quý, năm chia cho sản lượng điện đã sản xuất ra của tháng, quý, năm đã ghi báo ở biểu 2A, 2B và 2C NL/D ; Kết quả số liệu ghi báo vào các cột của biểu báo về thực hiện định mức số than thiên nhiên dùng để sản xuất ra 1 kWh điện .

A2 : than tiêu chuẩn : lấy tổng số than thiên nhiên đã dùng vào sản xuất ở các thời kỳ báo cáo nói trên nhân (X) cho số nhiệt năng thực tế tính bằng Kcalo của số than thiên nhiên đã dùng vào sản xuất nói trên. Dem tổng số nhiệt năng ấy chia (:) cho nhiệt năng của 1 kg than tiêu chuẩn là 7000 Kcalo, sẽ được tổng số than tiêu chuẩn.

Lấy tổng số than tiêu chuẩn đã tính đối, sẽ tính ra được định mức than tiêu chuẩn dùng để sản xuất ra 1 kWh ghi báo ở các cột tương ứng của kỳ báo cáo .

Các cột : A3, A4, A5, A6, A7 : cũng theo phương pháp tính toán tương tự như trên .

Cột A8 : Điện tự dùng cho sản xuất : lấy tổng số điện phát ra đưa lên thanh cái ở các nhà máy phát điện để chuyển tải đều cho khách hàng tiêu thụ đã thực hiện trong tháng, quý, năm chia (:) cho tổng số điện đã sản xuất ra trong tháng, quý, năm đã ghi báo ở các biểu 2A, 2B, 2C NL/Đ nhân với 100 % và trừ (-) 100%, sẽ có số thực hiện định mức tỷ lệ % điện tự dùng để ghi báo các cột tương ứng .

$$\text{Tỷ lệ \% điện tự dùng} = \frac{\text{Tổng số điện phát ra đưa lên thanh cái}}{\text{Tổng số điện sản xuất ra}} \times 100\%$$

A9 : Điện dùng cho chuyển tải và phân phối : xem giải thích ở biểu 1 NL/Đ .

Các cột : 1, 2, 3, 4, 5 : xem giải thích biểu 2A NL/Đ.

C- Nguồn số liệu :

Do các bộ phận hóa nghiệm , cung ứng vật tư, trung tâm điều độ cung cấp .

BỘ NANG LUONG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ...
SỐ 1 NL-D

NỘI NHẬN BÁO CÁO
Bộ Năng Lượng
Cục Thống Ke...

DIỆN - CUNG VÀ CẦU

	KE HOACH NAM	THỰC HIỆN		TY LỆ
		QUI	NAM	%
1. CÔNG SUẤT THIẾT KẾ (MW)				
2. CÔNG SUẤT PHÁT CAO NHẤT (MW)				
3. ĐIỆN SẢN XUẤT (TRIỆU KWH)				
4. ĐIỆN TIÊU THỤ (TRIỆU KWH)				
5. ĐIỆN TỒN THẤT TRUYỀN TẠI VÀ THƯƠNG MẠI (%)				

Ngày ..tháng ..năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

PHỤ TRÁCH
THỐNG KE – KE TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

BO NANG LUONG
 CONG TY DIEN LUC 1
 SO.2A...NL/D1

NOI NHAN BAO CAO
 Bo Nang Luong
 Cuc Thong Ke...

NGUON DIEN VA SAN LUONG DIEN
 CAC NHA MAY VA CONG TY

Trieu KWH

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE %
		THANG	QUI	NAM	
	1	2	3	4	4/1
DIEN PHAT RA Nhiet dien Thuy dien Diezel Tuabin khi TRONG DO Nhiet dien Pha lai Uong bi Ninh binh Thai nguyen Viet tri Thuy dien Hoa binh Thac ba Cam son Ban thach Ha giang Cao bang Son la Lai chau Diezel Tuabin khi					

NGUOI LAP BIEU
 (Ky ten)

PHU TRACH
 THONG KE – KE TOAN

Ngày ..tháng ..năm
 THU TRUONG DON VI
 (Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
 CONG TY DIEN LUC 2
 SO.2B...NL/D2

NOI NHAN BAO CAO
 Bo Nang Luong
 Cuc Thong Ke...

NGUON DIEN VA SAN LUONG DIEN
 CAC NHA MAY VA CONG TY

Trieu KWH

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE %
		THANG	QUI	NAM	
	1	2	3	4	4/1
DIEN PHAT RA Nhiet dien Thuy dien Diezel Tuabin khi					
TRONG DO Nhiet dien Thu duc Can tho Cogido Thuy dien Da nhim Suoi vang Loc phat Tri an Diezel Tuabin khi Thu duc Ba ria					

NGUOI LAP BIEU
 (Ky ten)

PHU TRACH
 THONG KE – KE TOAN

Ngày ..tháng ..năm
 THU TRUONG DON VI
 (Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
 CONG TY DIEN LUC 3
 SO.2B...NL/D³

NOI NHAN BAO CAO
 Bo Nang Luong
 Cuc Thong Ke...

NGUON DIEN VA SAN LUONG DIEN
 CAC NHA MAY VA CONG TY

Trieu KWH

	KE HOACH	THUC HIEN			TY LE %
		NAM	THANG	QUI	
	1	2	3	4	4/1
DIEN PHAT RA Diezel Quang binh Quang tri Thua thien Quang nam Da nang Quang ngai Binh dinh Phu yen Khanh hoa Gia lai Cong tum Dac lac					

NGUOI LAP BIEU
 (Ky ten)

PHU TRACH
 THONG KE – KE TOAN

Ngày ..tháng ..năm
 THU TRUONG DON VI
 (Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

NOI NHAN BAO CA
BO NANG LUON
CUC THONG KE

MA SO : NGANH : KTQD :		NGANH KINH TE QUOC DAN	KE HOAC :	THUC HIEN			TY LE :
			THANG :	QUI :	TU DAU :	% :	
					NAH :	(4/1)	
A	B	1	2	3	4	5	
4	I. CONG NGHIEP CHE BIEN						
	1. THUC PHAM VA DO UONG						
	2. XAY SAT, SAN XUAT BOT, THUC AN GIA SUC						
	3. DET						
	5. CHE BIEN GO, SAN PHAM BANG GO						
	6. GIAY VA SAN PHAM BANG GIAY						
	7. DAU MO VA TINH CHE DAU						
	8. PHAN BON						
	9. XI MANG						
	10. GACH NGOI GOM SU						
	11. SAN XUAT SAN PHAM CAO SU						
	10. SAN XUAT KIM LOAI						
	SAT THEP						
	KIM LOAI MAU						
	11. MAY MOC THIET BI						
	12. THIET BI VAN PHONG, TRUYEN THONG						
	TIVI, RADIO, THIET BI TIN HOC						
	13. PHUONG TIEN VAN TAI						
	14. SAN XUAT VA CHE BIEN KHAC						
5	II. SAN XUAT VA PHAN PHOT DIEN,						
	KHI DOT VA NUOC						
	SAN XUAT NUOC						
3	III. CONG NGHIEP KHAI THAC MO						
	1. KHAI THAC THAN						
	KHAI THAC VA CHE BIEN THAN						
	DICH VU LIEN QUAN KHAI THAC THAN						
	2. KHAI THAC DAU THO, KHI VA DICH VU						
	3. KHAI THAC QUANG KIM LOAI						
	KHAI THAC QUANG SAT						
	KHAI THAC QUANG KIM LOAI MAU						
	4. KHAI THAC CAC LOAI QUANG KHAC VA DA						

	A	1	2	3	4	5
1	IV. NONG NGHIEP VA LAM NGHIEP					
	1. TRONG TROT					
	TRONG LUA VA CAY LUONG THUC					
	CAY CONG NGHIEP VA DUOC LIEU					
	2. CHAN NUOI					
	3. CAC DICH VU KHAC CO LIEN QUAN					
	4. LAM NGHIEP VA CAC DICH VU CO LIEN QUAN					
6	V. XAY DUNG					
	CHUAN BI MAT BANG, XAY DUNG CAC					
	CONG TRINH, HOAN THIEN CONG TRINH					
9	VI. VAN TAI, KHO BAI, THONG TIN LIEN LAC					
	1. DUONG SAT					
	2. DUONG THUY					
	3. HANG KHONG					
	4. BUU CHINH VIEN THONG					
	5. CAC DICH VU KHAC, KHO BAI					
7	VII. THUONG NGHIEP, SUA CHUA XE MAY,					
	CAC CUA HANG, BUON BAN, TRIEN LAM,					
	SUA CHUA XE MAY					
8	VIII. KHACH SAN NHA HANG					
	1. KHACK SAN					
	2. NHA HANG					
2	IX. THUY SAN					
	DANH BAT THUY SAN, NUOI TRONG VA CAC					
	DICH VU CO LIEN QUAN					
14	X. GIAO DUC VA DAO TAO					
15	XI. Y TE VA CAC HOAT DONG CUU TRO					
	XA HOI					
16	XII. VAN HOA THE DUC THE THAO					
18	XIII. CAC HO TU NHAN					
	XIV. CAC TO CHUC QUOC TE					
20	XV. CAC NGANH KHAC					

Ngày....Thang....Nam

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

DIỆN TIÊU THU – CÁC TRONG DIỆN

Triều KWH

	KẾ HOẠCH NAM 199..	THỰC HIỆN			TỶ LỆ % (4/1)
		THÁNG	QUÝ	NAM	
A	1	2	3	4	5
MIỀN BẮC NM ĐÉT 8/3 NM SỎI HÀ NỘI CỎ KHI TRẦN HƯNG ĐẠO NM CAO SỬ SAO VẮNG NM DỪNG CỬ CỎ KHI XK NM CHÉ TẠO CÔNG CỬ SỎ 1 NM CỎ KHI YẾN VIỆN NM DƯƠNG KHI YẾN VIỆN NM XE LỬA GIA LAM NM BỈA HÀ NỘI NM CHÉ TẠO TỎ ĐIỆN NM PHẢN LÀN VẠN ĐIỆN NM XI MĂNG HẢI PHÒNG LIỀN HIỆP HẢI SƠN LIỀN HIỆP CẢNG HẢI PHÒNG NƯỚC HẢI PHÒNG NM SỬA CHỮA TÀU HP NM ĐẤT ĐEN TRẢNG KẾN KHO K3 LH ĐÉT NAM ĐỊNH NM ĐÉT LỬA NAM ĐỊNH NM PHẢN LÀN MINH BÌNH NM ĐÉT VINH PHÚ NM GIẤY VINH PHÚ NM SỬ PÉ LAM THẢO NM HỎA CHẤT VIỆT TRÍ CỬY THÁN CẨM PHẢ CỬY THÁN HỒN GAI CỬY THÁN UÔNG BỈ LH GẮNG THẾP THÁI NGUYÊN NM ĐỈ E ĐÉN SÔNG CỎNG NM PHẢN ĐẦM HẢ BẮC NM KINH ĐÁP CỬ NM XI MĂNG HỎANG THẮCH NM XI MĂNG BỈM SỎN CỎNG TRƯỞNG HỎA BÌNH					

Ngày ..tháng ..năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký tên)

PHỤ TRÁCH
 THỐNG KẾ – KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên đóng dấu)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

BO NANG LUONG
 CONG TY DIEN LUC 2
 SO 48 NL/D2

Nơi nhận báo cáo
 Bộ Năng Lượng
 Cục Thống Kế...

DIEN TIEU THU - CAC TRONG DIEM

Triệu KWH

	KE HOACH NAM 199..	THUC HIEN			TY LE % (4/1)
		THANG	QUI	NAM	
A	1	2	3	4	5
MIEN NAM XI MANG HA TIEN XI MANG KIEN LUONG CTY DAU KHI VUNG TAU CTY XD T DIEN TRI AN NM AMIANG XI MANG NM GACH MEN TH-THANH NM CAN THEP NHA BE NM CAN THEP TAN BINH NM LUYEN CAN THEP BH HOP KIM SAT NHA BE NM CO KHI BIEN HOA XN KEO DAY TAN A XN KEO DAY LONG BIEN XN KEO DAY LONG MY NM PHU TUNG SO 2 NM CONG CU SO 3 NM CA RIC NM CO KHI THU DUC BOT GIAT CHAU LONG HOA CHAT TAN BINH HOA CHAT THU DUC HOA CHAT BIEN HOA HOA CHAT DONG NAI CAO SU DONG NAI CAO SU HOC MON KY NGHE BIEN HOA KY NGHE KHANH HOI SAT TRUNG BINH TRIEU HAN DIEN CAU TRE BINH DIEN 1 BINH DIEN 2					

A	1	2	3	4	5
HOA CHAT CAN THO BA SON Z 751 BINH TAY BINH DONG BOT MI BINH DONG THUOC LA VINH HOI BOT NGOT THIEN HUONG DO HOP TAN BINH DUONG BA KUA DUONG BIEN HOA EP DAU TAN BINH THUY TINH KHANH HOI BIA SAI GON DET VINH THANG DET THANG LOI DET PHONG PHU DET PHUOC LONG DET DONG A SOI DONG NAM NHUA RANG DONG BONG DEN DIEN QUANG MAY NHA BE MAY DONG NAI DET YHANH CONG THUY TINH DONG LANH 1 THUY TINH DONG LANH 2 THUY TINH DONG LANH 4 THUY TINH DONG LANH 5 THUY TINH DONG LANH 6 XN DET LUOI XN DUOC PHAM 21, 25 XN DUOC PHAM 23 XN DUOC PHAM 24, 22 XN DUOC PHAM 26					

Ngày ..tháng ..năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE – KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
 CONG TY DIEN LUC 3
 SO 4C NL/D3

Nơi nhận báo cáo
 Bà Nang Lương
 Cục Thống Kế...

DIEN TIEU THU – CAC TRONG DIEM

	KE HOACH NAM 199..	THUC HIEN			Triệu KWH
		THANG	QUI	NAM	TỶ LỆ %
					(4/1)
A	1	2	3	4	5
MIEN TRUNG N/M SƠI NHA TRANG N/M CAO SU ĐÀ NẴNG BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN SÂN BAY ĐÀ NẴNG					

Ngày ..tháng ..năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký tên)

PHỤ TRÁCH
 THỐNG KÊ – KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên đóng dấu)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

BO NANG LUONG
 CONG TY DIEN LUC 1
 SO 5 NL/D1
 A

Nơi nhận báo cáo
 Bộ Năng Lượng
 Cục Thống Kế...

TIEU THU DIEN PHAN CHIA THEO LANH THO

ĐƠN VỊ: TRIỆU KWH

	KẾ HOẠCH NAM	THỰC HIỆN			TỶ LỆ % 5/1
		THANG	QUI	NAM	
A-	1	2	3	4	5
MIỀN BẮC Hà nội Hải phòng Hà nam ninh Vĩnh phu Quảng ninh Bắc thại Hà bắc Hải hưng Thanh hóa Hà tây Thái bình Yên bai Lạng sơn Tuyên quang Nghệ an Sơn la Hà tĩnh Hòa bình Lào cai Lai châu Hà giang Cao bang Ninh bình					

Ngày ..tháng ..năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký tên)

PHỤ TRÁCH
 THỐNG KÊ – KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên đóng dấu)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

BỘ NANG LUONG
 CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2
 SỐ 5, NL/D2
 B

Nơi nhận báo cáo
 Bộ Năng Lượng
 Cục Thống Kế...

TÌU THU DIỆN
 PHÂN CHIA THEO LÃNH THO

ĐƠN VỊ: TRIỆU KWH

	KẾ HOẠCH NAM	THỰC HIỆN			TỶ LỆ % 5/1
		THÁNG	QUÝ	NAM	
A	1	2	3	4	5
MIỀN NAM TP Hồ chí Minh Bình thuận N.Thuan Lâm đồng Sông be Tây ninh Đồng nai Long an Đồng tháp Tiền giang Bến tre Vĩnh long Trà vinh Cần thơ Sóc trang An giang Kiên giang Minh hai Vũng tau					

Ngày ..tháng ..năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký tên)

PHỤ TRÁCH
 THỐNG KÊ – KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên đóng dấu)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

BO NANG LUONG
CONG TY DIEN LUC 3
SO 5₂ NL/D3

Nơi nhận báo cáo
Bà Nang Luong
Cục Thống Ke...

TIEU THU DIEN
PHAN CHIA THEO LANH THO

DON VI: TRIEU KWH

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE % 5/1
		THANG	QUI	NAM	
A	1	2	3	4	5
Quang binh Quang tri Thua thien Hue Quang Nam Da Nang Quang ngai Binh dinh Phu yen Khanh hoa Gialai Kum tum Dac lac					

Ngày ..tháng ..năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE — KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CTY DIEN LUC 1
So 6A NL/D

NOI NHAN BAO CAO
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

CONG SUAT THIET BI NAM 199..

	SAN LUONG (TRKWH)	CONG SUAT THIET KE Den 31/12 (MW)	THOI GIAN THEO P.TKE GIO/NAM 3 = 1/2	CONG SUAT THIET KE CAO NHAT (MW)	CONG SUAT THIET KE THAP NHAT (MW)
	1	2	3 = 1/2	4	5
Cong ty: Dien luc 1 Nhiet dien - Pha lai - Uong bi - Ninh binh - Thai nguyen - Viet tri Thuy dien - Hoa binh - Thac ba - Cam son - Ban thach - Ha giang - Cao bang - Son la - Lai chau Diezel Turbin khi					

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

(Ho va Ten)

PHU TRACH
THONG KE-KE TOAN

(Ho va Ten)

Ngày tháng năm
THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va Ten)

BO NANG LUONG
CTY DIEN LUC 2
So 6B NL/D2

NOI NHAN BAO CAO
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

CONG SUAT THIET BI NAM 199..

	SAN LUONG (TRKWH)	CONG SUAT THIET KE Den 31/1 (MW)	THOI GIAN SD THEO P.TKE GIO/NAM	CONG SUAT THIET KE CAO NHAT (MW)	CONG SUAT THIET KE THAP NHAT (MW)
	1	2	3 = 1/2	4	5
Cong ty Dien luc II Nhiet dien - Thu duc - Can tho - Cogido Thuy dien - Da nhim - Suoi vang - Loc phat - Tri an Diesel Tuabin khi - Thu duc - Ba ria					

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE-KE TOAN

Ngày tháng năm
THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va Ten)

(Ho va Ten)

(Ho va Ten)

BO NANG LUONG
CTY DIEN LUC 3
So 6C NL/D3

NOI NHAN BAO CAO
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

CONG SUAT THIET BI NAM 199..

	SAN LUONG (TRKWH)	CONG SUAT THIET KE Den 31/1 (MW)	THOI GIAN SD THEO P.TKE GIO/NAM	CONG SUAT THIET KE CAO NHAT (MW)	CONG SUAT THIET KE THAP NHAT (MW)
	1	2	3 = 1/2	4	5
CONG TY DIEN LUC III Diezel - Quang binh - Quang tri - Thua thien - Quang nam-Da n - Quang ngai - Binh dinh - Phu yen - Khanh hoa - Gia lai-Cong tum - Dac lac					

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE-KE TOAN

Ngày tháng năm
THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va Ten)

(Ho va Ten)

(Ho va Ten)

NHIEN LIEU SU DUNG CHO PHAT DIEN
DIEN TU DUNG – DIEN TON THAT

	DON VI TINH	KE HOACH NAM 199..	THUC HIEN			TY LE % (4/1)
			THANG	QUI	NAM	
A	B	1	2	3	4	5
1. Than thien nhien	kg/kwh					
2. Than tieu chuan	kg/kwh					
3. Dau phun to	gam/kwh					
4. Dau nhiet dien	gam/kwh					
5. Dau cho DIEZEL						
6. Khi cho tuabin khi						
7. Dau cho tuabin khi	gam/kwh					
8. Dien cho SX dien	%					
9. Dien dung cho CT & PP	%					
Ghi chu : Tuy theo dang nhien lieu Cong ty su dung ma ghi vao bao cao						

Ngay ..thang ..nam

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE – KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY ...
SO 1 NL-T

Nơi nhận báo cáo
Bộ Năng Lượng
Cục Thống Ke...

THAN – CUNG VÀ CAU
XUAT KHAU NỘI ĐỊA

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE %
		THANG	QUI	NAM	
I. TONG SO THAN TIEU THU (1000 T) - XUAT KHAU - NOI DIA TRONG DO: 1. DIEN 2. XI MANG 3. PHAN BON 4. DET 5. GIAY 6. CAC TINH MIEN NUI 6. CAC NHU CAU KHAC II. THAN SACH (1000 TAN) III. TON KHO (1000 TAN)					

Ngày tháng năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE – KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY THAN
SO 2 NL/T

TIEU THU THAN
PHAN THEO NGANH KINH TE QUOC DAN

NOI NHAN
BO NANG LUONG
CUC LHONG KE

DON VI : 1000 TAN

MA SO: NGANH: KTQD :	NGANH KINH TE QUOC DAN	KE HOACH	THUC HIEN			TY LE %
			THANG	QUI	TU DAU NAM	
A	B	1	2	3	4	5
4	I. CONG NGHIEP CHE BIEN					
	1.THUC PHAM VA DO UONG					
	2.DET					
	3.GIAY VA SAN PHAM BANG GIAY					
	4.PHAN BON					
	5.XI MANG					
	6.GACH NGOI GOM SU					
	7.SAN XUAT SAN PHAM CAO SU					
	8.SAN XUAT KIM LOAI					
	SAT THEP					
	9. MAY MOC THIET BI					
	10.SAN XUAT VA CHE BIEN KHAC					
5	II. SAN XUAT VA PHAN PHOI DIEN,KHI DOT:					
	VA NUOC					
	SAN XUAT DIEN					
3	III. CONG NGHIEP KHAI THAC MO					
	KHAI THAC THAN					
	KHAI THAC VA CHE BIEN THAN					
	D.VU LIEN QUAN DEN K.THAC CB THAN:					
1	IV. NONG NGHIEP VA LAM NGHIEP					
9	V . VAN TAI,KHO BAI,THONG TIN LIEN LAC:					
	1.DUONG SAT					
	5.CAC DICH VU KHAC,KHO BAI					
7	VI . THUONG NGHIEP,SUA CHUA XE MAY,					
	CAC CUA HANG,BUON BAN,TRIEU LAM					
	SUA CHUA XE MAY					
8	VII . KHACH SAN NHA HANG					
	1.KHACK SAN					
	2.NHA HANG					
18	VIII. HOAT DONG PHUC VU CA NHAN,					
	VA CONG CONG					
	IX. CAC NGANH KHAC					

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

(Ho va Ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

(Ho va ten)

Ngày....thang....nam

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va Ten)

TIEU THU THAN
PHAN CHIA THEO LANH THO

DON VI 1000 TAN

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE %
		THANG	QUI	NAM	
A	1	2	3	4	5=4/1
MIEN BAC					
Ha noi					
Hai phong					
Ha nam ninh					
Vinh phu					
Quang ninh					
Bac thai					
Ha bac					
Hai hung					
Thanh hoa					
Ha tay					
Thai binh					
Yen bai					
lang son					
Tuyen quang					
Nghe an					
Son la					
Ha tinh					
Hoa binh					
Lao cai					
Lai chau					
Ha giang					
Cao bang					
Ninh binh					

Ngày -- tháng -- năm --

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY ...
SO 3 NL/T

Noi nhan bao ca
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke.

TIEU THU THAN
PHAN CHIA THEO LANH THO

DON VI: 1000 TAN

	KE HOACH	THUC HIEN			TY LE
	NAM	THANG	QUI	NAM	%
A	1	2	3	4	5=4/1
MIEN NAM					
TP Ho chi Minh					
Binh thuan					
N.Thuan					
Lam dong					
Song be					
Tay ninh					
Dong nai					
Long an					
Dong thap.					
Tien giang					
Ben tre					
Vinh long					
TRa vinh					
Can tho					
Soc trang					
An giang					
Kien giang					
Minh hai					
Vung tau					
MIEN TRUNG					
Quang binh					
Quang tri					
Thua thien Hue					
Quang Nam Da Nang					
Quang ngai					
Binh dinh					
Phu yen					
Khanh hoa					
Gialai					
Kum tum					
Dac lac					

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

Ngày tháng năm
THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

NOI NHAN BAO CAO
BO NANG LUONG
CUC THONG KE
DON VI 1000 TAN

NGUOI LAP BIEU (Ky ten)	PHU TRACH THONG KE - KE TOAN	Ngay...Thang...Nam THU TRUONG DON VI (Ky ten dong dau)
----------------------------	---------------------------------	--

(Ho va Ten)

BO NANG LUONG
CONG TY ...
SO 5 NL-T

Nơi nhận báo cáo
Bộ Năng Lượng
Cục Thống Kế...

GIA TRI XUAT KHAU THAN

DON VI: 1000 US\$

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE
		THANG	QUI	NAM	%
GIA TRI THAN XUAT KHAU CHAU AU HA LAN PHAP LUC XAM BUA ANH BI IRELAND RUMANI CHAU A NHAT BAN NAM TRIEU TIEN DAI LOAN THAI LAN PHI LIP PIN MALAISIA AN DO TRUNG QUOC DAI LOAN INDONESIA UC HONG KONG CHAU MY BRAZIN CU BA					

Ngày ..tháng ..năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY ...
SO 6 NL-T

Nơi nhận báo cáo
Bộ Năng Lượng
Cục Thống Kê...

XUAT KHAU THAN

ĐƠN VỊ: 1000 US\$

	KẾ HOẠCH NAM	THỰC HIỆN			TY LỆ
		THÁNG	QUÝ	NAM	%
TỔNG SỐ THAN XUẤT KHẨU					
CHÂU ÂU					
HÀ LAN					
PHÁP					
LÚC XÂM BUA					
ANH					
BỈ					
IRELAND					
RUMANI					
CHÂU Á					
NHẬT BẢN					
NAM TRIỆU TIỀN					
ĐÀI LOAN					
THÁI LAN					
PHILIPPIN					
MALAYSIA					
ẤN ĐỘ					
TRUNG QUỐC					
ĐÀI LOAN					
INDONESIA					
ÚC					
HONG KONG					
CHÂU MỸ					
BRAZIN					
CÚ BA					

Ngày ..tháng ..năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

PHỤ TRÁCH
THỐNG KÊ – KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

BO NANG LUONG
CONG TY
SO 7 NL-T

SAN XUAT - TIEU THU THAN
CAC CONG TY THAN

Noi nhan bao cao
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

	KE HOACH:	THUC HIEN			TY LE
	NAM	THANG	QUI	TU DAU NAM	%
I. THAN SACH 1000 TAN					
1. CTY THAN CAM PHA					
2. CTY THAN HON GAI					
3. CTY THAN UONG BI					
4. CTY THAN NOI DIA					
5. CTY CO KHI MO					
6. CTY DIA CHAT VA KTKS					
7. CTY XAY LAP VA SXT					
II. TIEU THU 1000 TAN					
1. CTY THAN CAM PHA					
2. CTY THAN HON GAI					
3. CTY THAN UONG BI					
4. CTY THAN NOI DIA					
5. CTY CO KHI MO					
6. CTY DIA CHAT VA KTKS					
7. CTY XAY LAP VA SXT					
III. XUAT KHAU THAN 1000T:					
1. CTY THAN CAM PHA					
2. CTY THAN HON GAI					
3. CTY THAN UONG BI					
4. CTY THAN NOI DIA					
5. CTY CO KHI MO					
6. CTY DIA CHAT VA KTKS					
7. CTY XAY LAP VA SXT					
8. CAC DON VI KHAC					

Ghi chu: Tuy theo tung dac diem rieng tung Cong ty de khai bao.
Than sach: Cac NM tuyen Than, Than sang mo, Than lo via.
Tieu thu : Than ban cho trong Nganh de xuất khẩu.
Xuất khẩu: Than xuất ho trong Nganh, ngoai Nganh

Ngày tháng năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY ...
SO 8 NL-T

Noi nhan bao cao
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

CHUNG LOAI THAN SACH
CAC CONG TY

DON VI: 1 000 TAN

	KE HOACH	THUC HIEN			TY LE
	NAM	THANG	QUI	NAM	%
I. SO LUONG SAN PHAM (1000					
THAN CUC					
THAN CUC DAC BIET					
1+2A					
3A					
4A					
5A					
THAN CUC XO					
THAN CUC THUONG					
2					
3					
4					
5					
6+6B					
THAN CAM					
1+2					
3					
4					
5					
6					
6B					
BUN					
THAN MO					
THAN CHAT BOC CAO					

Ngày tháng năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
 CONG TY ...
 SO 9 NL-T

Nội nhân báo cáo
 Bộ Năng Lượng
 Cục Thống Kế...

CHAT LUONG THAN SACH CAC CONG TY

	TIEU CHUAN DO TRO AK%	THUC HIEN		
		DO TRO AK %	CHAT BOC %	NHIET NANG QCL/KG
THAN CUC				
THAN CUC DAC BIET				
1+2A				
3A				
4A				
5A				
THAN CUC XO				
THAN CUC THUONG				
2				
3				
4				
5				
6+6B				
THAN CAM				
1+2				
3				
4				
5				
6				
6B				
BUN				
THAN MO				
THAN CHAT BOC CAO				

Ngày ..tháng ..năm

NGUOI LAP BIEU
 (Ky ten)

PHU TRACH
 THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
 (Ky ten dang dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY
SO 10 NL-T

SAN XUAT TIEU THU TON KHO
CAC CONG TY SAN XUAT

Noi nhan bao cao
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

DON VI : 1000 TAN

CHI - TIEU	TON KHO 31-12-199	SAN XUAT TRONG KY	TONG SO THAN CO	TIEU THU TRONG KY	TON KHO DEN....
THAN SACH					
THAN CUC					
THAN CUC DAC BIET					
1+2A					
3A					
4A					
5A					
THAN CUC XO					
THAN CUC THUONG					
2					
3					
4					
5					
6+6B					
THAN CAM					
1+2					
3					
4					
5					
6					
6B					
BUN					
THAN MO					
THAN CHAT BOC CAO					

Ngày tháng năm

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY
SO 11 NL-T

THAN NGUYEN KHAI
CAC CONG TY VA CAC MO THAN

NOI NHAN BAO CAO
BO NANG LUONG
CUC THONG KE

DON VI: 1000 TAN

	KE HOACH NAM	THUC HIEN			TY LE %
		THANG	QUI	TU DAU NAM	
I. THAN NGUYEN KHAI 1000T					
1. CTY THAN CAM PHA					
DEO NAI					
COC 6					
CAO SON					
THONG NHAT					
MONG DUONG					
KHE CHAM					
2. CTY THAN HON GAI					
HA TU					
HA LAM					
TAN LAP					
3. CTY THAN UONG BI					
MAO KHE					
VANG DANH					
CAC DON VI KHAC					
4. CTY THAN NOI DIA					
KHANH HOA					
NUI HONG					
NA DUONG					
NONG SON					
KHE BO					
KHE TAM					
LANG CAM					
DONG GIAO					
5. CTY CO KHI MO					
6. CTY DIA CHAT VA KTKS					
7. CTY XAY LAP VA SXT					

Ngày....Thang....Nam

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN

THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)

(Ho va Ten)

(Ha va Ten)

(Ho va ten)

BO NANG LUONG
CONG TY
SO 12 NL-T

Noi nhan bao cao
Bo Nang Luong
Cuc Thong Ke...

BOC DAT DA-MO LO CHUAN BI
CAC CONG TY VA CAC MO THAN

	: KE HOACH :	THUC HIEN			: TY LE :
		NAM	THANG	QUI	DAU NAM
					%
I. DAT DA 1000 M3					
1. CTY THAN CAM PHA					
DEO NAI					
COC 6					
CAO SON					
THONG NHAT					
MONG DUONG					
KHE CHAM					
2. CTY THAN HON GAI					
HA TU					
HA LAM					
TAN LAP					
3. CTY THAN UONG BI					
MAO KHE					
VANG DANH					
CAC DON VI KHAC					
4. CTY THAN NOI DIA					
KHANH HOA					
NUI HONG					
NA DUONG					
NONG SON					
KHE BO					
KHE TAM					
LANG CAM					
DONG GIAO					
5. CTY CO KHI MO					
6. CTY DIA CHAT VA KTKS					
7. CTY XAY LAP VA SXT					
II. MO LO CHUAN BI 1000M:					
1. CTY THAN CAM PHA					
THONG NHAT					
MONG DUONG					
KHE CHAM					
2. CTY THAN HON GAI					
HA LAM					
TAN LAP					
CAC DON VI KHAC					
3. CTY THAN UONG BI					
MAO KHE					
VANG DANH					
CAC DON VI KHAC					
4/CTY THAN 3(KHE BO)					

NGUOI LAP BIEU
(Ky ten)
(Ho va ten)

PHU TRACH
THONG KE - KE TOAN
(Ho va ten)

Ngay thang nam
THU TRUONG DON VI
(Ky ten dong dau)
(Ho va ten)